TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **14**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06/5/2020
V/v: "Xin ly hôn''

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hưng

Ông Trịnh Ngọc Hồng

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Mai Chiến Trực - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa*: Bà Lư Ngọc Thiên An - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 539/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị ***Nguyễn Thị Diễm H***, sinh năm 1994; Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện CT, tỉnh BT (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh ***Lê Trung T***, sinh năm 1981; Nơi cư trú: ấp H, xã P, thành phố BT, tỉnh BT (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị H trình bày:

Chị và anh T kết hôn vào năm 2015, hôn nhân do cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thành phố BT, tỉnh BT. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến 2018 thì mâu thuẫn phát sinh nguyên nhân là do đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống thường xuyên cải vã nhau.

Anh chị ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Hai bên có bàn bạc tìm hướng giải quyết nhưng không được.Tình cảm của chị đối với anh hiện không còn. Nay chị cương quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 04/4/2018. Chị xin được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Tài sản chung: chị H khai không có

Nợ chung: chị H khai không có

Ngày 05/5/2020 chị Diễm H có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận công việc không thể tham gia phiên tòa được

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần mời anh T đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn. Chị H được tiếp tục nuôi con cháu B, anh T phải cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật. Tài sản chung hai bên tự thỏa thuận và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả của việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Ngày 17/12/2019 chị Nguyễn Thị Diễn H có đơn xin ly hôn với anh Lê Trung T, hai anh chị đang cư trú tại thành phố Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo qui định tại các Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tống đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải nhưng anh T không có mặt theo thông báo hòa giải nên không thể tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre cũng đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa cho anh T để tham gia phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T là phù hợp.

[3] Chị Nguyễn Thị Diễm H và anh Lê Trung T kết hôn năm 2015, hôn nhân do cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã , thành phố BT, tỉnh BT. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng cũng bình thường, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống thường xuyên cải vã nhau. Anh chị đã ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Hiện tình cảm của chị đối với anh T không còn. Nay chị cương quyết xin được ly hôn. Anh T không đến Tòa và cũng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 04/4/2018. Chị xin được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Cháu Bảo hiện đang sống với chị H do đó nghĩ để chị H được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu Bảo. Chị H yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tuy nhiên chị không cung cấp được mức thu nhập hàng tháng của anh T do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị về việc cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: chị H khai không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Về nợ chung: chị H khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng chị H phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 55; 57 81; 82; 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 235 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Diễm H, cụ thể tuyên:

- *Về hôn nhân*: chị ***Nguyễn Thị Diễm H*** được ly hôn với ***Lê Trung T***

- *Về con chung*: Chị H được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 04/4/2018.

Anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 745.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Không bên nào được ngăn cản quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một trong các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người T tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: chị H khai không có nên không xem xét giải quyết

- *Về nợ chung*: chị H khai không có nên không xem xét giải quyết

Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị Diễm H phải nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008364 ngày 26/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Chị H đã nộp đủ án phí. Anh T phải chụi án phí cấp dưỡng là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng)

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- UBND xã P, thành phố BT, tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong